

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HSST
Ngày: 08-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ksor Y Thư.

- Ông Niê Y Ling.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Y Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 và quyết định thay đổi thời gian xét xử số 04/2020/QĐ-TA ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nay C; sinh ngày 01 tháng 6 năm 1997 tại: Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn I, xã Ia , huyện K, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông: Ksor L, sinh năm 1956 và bà Nay H' D, sinh năm 1959; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Có 02 tiền án:

- Ngày 23/8/2018, bị TAND huyện K, tỉnh G áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự 2015, sửa đổi năm 2017 xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong ngày 22/10/2018.

- Ngày 29/9/2018, bị Toà án nhân dân huyện S áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/8/2019.

Nhân thân:

- Ngày 05/8/2015, bị UBND xã I, huyện K xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích. Đã chấp hành nộp phạt.

- Ngày 01/3/2016, bị UBND xã I, huyện K xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành nộp phạt.

- Ngày 24/9/2020, bị cáo bị Toà án nhân dân huyện K, tỉnh P áp dụng điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi 2017 xử phạt 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2020. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Gia

Trung, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo bị dẫn giải, có mặt.

2. Ksor K; sinh ngày 24 tháng 01 năm 2000 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jrai; Tôn giáo: Tin lành; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông: Kpă P, sinh năm 1979 và bà Ksor S, sinh năm 1975; Vợ, con: Không;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/10/2020, bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K, tỉnh G khởi tố về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

** Người bị hại:* Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1991. Trú tại: Buôn B, xã E, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh Phan Hữu T. Trú tại: Buôn B, xã E, huyện S, tỉnh P. Vắng mặt.
2. Anh Nay T, sinh năm 1998. Trú tại: Buôn M, xã C, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt.
3. Anh Kpă H, sinh năm 2001. Trú tại: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt.
4. Chị Ksor H'S, sinh năm 1975. Trú tại: Buôn T, xã C, huyện K, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi có sự trao đổi thống nhất giữa Nay C và Ksor K về việc C rủ K tìm mô tô trộm cắp để cho K sử dụng làm phương tiện đi lại. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/12/2019, C điều khiển xe mô tô không xác định biển kiểm soát (xe mô tô do C trộm cắp ở huyện Ia, tỉnh G trước đó) chở K đi đến địa bàn xã E, huyện S, tỉnh P với mục đích tìm xe mô tô để trộm cắp; Khi đi đến khu vực bờ Sông Ba thuộc buôn H, xã E, huyện S, C phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Sirius, biển số 78 D1-060.45 màu trắng đen của anh Nguyễn Chí T đang dựng trên bờ sông không có người trông coi, trên xem mô tô có gắn sẵn chìa khoá, C nói với K đứng chờ, còn C lén lút đi bộ đến bật khoá điện nổ xe mô tô điều khiển chạy về đến địa phận huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, rồi C đưa xe mô tô vừa trộm cắp của anh Tùng cho K sử dụng. Sau đó, K tháo biển số vứt xuống Sông Ba (Đoạn cầu L) và gắn biển số 81N1-019.98 (trước đây dùng gắn vào xe mô tô của gia đình K) để sử dụng, K tháo toàn bộ dàn vỏ nhựa bên ngoài xe mô tô đem đốt và dùng thanh sắt, giấy nhám tẩy xóa số máy xe mô tô trộm cắp nhằm tránh bị phát hiện. Quá trình sử dụng K cho Nay Tới mượn, Tới sử dụng xe mô tô mượn của K đi trộm cắp tài sản thì bị công an huyện Krông Pa bắt giữ cùng phương tiện.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nay C, Ksor K thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Ksor K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Nay C chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp

tái phạm.

Kết luận giám định số 115/GĐ-PC09 ngày 04/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Yên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius gắn biển số giả 81N1-019.98 sơn màu đen bị mài số máy số khung, có số khung là RLCS5C640CY940153, số máy là 5C64940170 chính là xe mô tô biển số 78D1-060.45 do anh Nguyễn Chí T đứng tên chủ sở hữu.

Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐG ngày 25/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sông Hinh kết luận mô tô biển số 78D1-060.45 trị giá 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo K trình bày: Thống nhất với cáo trạng viện Viện kiểm sát truy tố. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự kiểm sát viên đề nghị, yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo K.

Bị hại anh Nguyễn Chí T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt trình bày: Xe mô tô 78D1-060.45 bị C và K trộm cắp là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh; anh đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị trộm cắp đã nhận lại được nên anh không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nay C và Ksor K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nay C** từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù tại bản án số 22/2020/HS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của cả hai bản án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Ksor K** từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ biển số xe 81N1-019.98 vì không có giá trị sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện

Sông Hinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu, chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/12/2019, tại Khu vực Sông Ba thuộc Buôn H, xã E, huyện S, Nay C và Ksor K đã trộm cắp xe mô tô 78D1-060.45 do anh Nguyễn Chí T sở hữu trị giá 7.000.000 đồng. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo C và K đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Chỉ vì động cơ vụ lợi mà các bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân. Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, cần phải xử lý tương xứng với mức độ hành vi phạm tội từng bị cáo gây ra. Bị cáo Nay C là người đề sớ việc trộm cắp nên phải xử lý nghiêm hơn bị cáo Ksor K.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nay C có 02 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản mà còn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Ksor K “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật còn hạn chế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[6] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy biển số xe 81N1-019.98 vì không có giá trị sử dụng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Tòa án; Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nay C, Ksor K phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Nay C** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; Tổng hợp với hình phạt 06 năm 06 tháng tù tại bản án số 22/2020/HSST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo **Nay C** phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/01/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo **Ksor K** 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ biển số xe 81N1-019.98 vì không có giá trị sử dụng.

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Nay C, Ksor K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh (2);
- Công an H.Sông Hinh;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Lưu Chúc